

QUY ĐỊNH

Về thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phí vệ sinh là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom và vận chuyển rác thải trên địa bàn địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thu phí.

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cơ sở, đơn vị sản xuất kinh doanh nơi có tổ chức hoạt động thu gom và xử lý rác thải.

2. Đối tượng miễn phí.

Các hộ gia đình thuộc diện nghèo được cấp sổ nghèo.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 3. Mức thu

Số TT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Hộ gia đình, hộ kinh doanh	đồng/hộ/tháng	22.000
2	Các đơn vị hành chính, sự nghiệp, lực lượng vũ trang, trường học, nhà trẻ, trụ sở làm việc của doanh nghiệp	đồng/đơn vị/tháng	110.000
3	Các cửa hàng, cơ sở sản xuất, nhà trọ, khách sạn, nhà hàng kinh doanh hàng ăn uống, công ty, xí nghiệp, nhà máy, chợ, bến xe; các	đồng/m ³ rác	176.000

	công trình xây dựng; các bệnh viện có rác thải y tế nguy hiểm, độc hại; công ty, xí nghiệp có khối lượng rác công nghiệp nguy hiểm, độc hại		
4	Phí đi vệ sinh nhà vệ sinh công cộng tại bến xe, chợ, bến phà	đồng/lần	1.000

Mức thu nêu tại Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trường hợp 01 (một) đối tượng thuộc diện áp dụng nhiều mức thu phí thì chỉ nộp mức phí cao nhất.

Điều 4. Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ.

Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí; nghiêm cấm việc thu phí không sử dụng biên lai hoặc biên lai không đúng quy định.

Điều 5. Quản lý và sử dụng tiền phí

1. Việc quản lý và sử dụng tiền phí thu được thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP; Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Hàng năm, cơ quan, tổ chức thu phí vệ sinh phải lập biên bản thống nhất xác định khối lượng rác thải với các đối tượng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy định này.

2. Đối với phí vệ sinh do Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị tổ chức thu, tiền phí vệ sinh thu được để lại 100% cho đơn vị; đơn vị thu có trách nhiệm nộp thuế theo Luật Thuế hiện hành.

Phần phí để lại cho đơn vị phục vụ công tác thu phí theo nội dung quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh phí, lệ phí; khoản 5 Điều 1 Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP;

Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính.

3. Đối với các đơn vị quản lý nhà nước, sự nghiệp (đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ) thu phí vệ sinh:

a) Trường hợp đơn vị có tổ chức bộ máy thu gom và xử lý rác thải: tiền phí thu được để lại 100% cho đơn vị; đơn vị tổ chức thu có trách nhiệm nộp thuế theo đúng Luật Thuế hiện hành; các nội dung chi thực hiện theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

b) Trường hợp không có bộ máy thu gom và xử lý rác thải phải thực hiện đấu giá quyền thu phí vệ sinh theo quy định, thì số tiền thu từ đấu giá quyền thu phí vệ sinh phải nộp 100% vào Ngân sách Nhà nước.

4. Số tiền thu được từ đấu giá quyền thu phí vệ sinh do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý phải nộp 100% vào Ngân sách Nhà nước.

Điều 6. Tổ chức đấu giá quyền thu phí vệ sinh

1. Trường hợp phí vệ sinh giao cho tổ chức, cá nhân thu phí phải tổ chức đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

Hàng năm, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn khảo sát về mức giá, tính chất ổn định, số tiền phí thu được của năm trước, khả năng phát triển về số thu của năm tiếp theo, để làm cơ sở dự kiến mức giá khởi điểm đưa ra đấu giá cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Để đảm bảo tính khách quan, cơ quan chủ trì đấu giá quyền thu phí vệ sinh phải thông báo công khai, rộng rãi theo quy định hiện hành của Nhà nước. Việc đấu giá quyền thu phí vệ sinh của năm sau phải thực hiện xong trước ngày 15 tháng 12 năm trước.

2. Phí đấu giá quyền thu phí vệ sinh: nộp ngân sách huyện, thị xã, thành phố, nếu Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố tổ chức đấu giá quyền thu phí vệ sinh; nộp ngân sách xã, phường, thị trấn, nếu Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tổ chức đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

Điều 7. Thành phần tổ chức đấu giá quyền thu phí vệ sinh

1. Trường hợp phí vệ sinh thuộc ngân sách huyện, thị xã, thành phố hưởng 100%:

Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền thu phí vệ sinh do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố làm Chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố làm Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng là đại diện của cơ quan cấp huyện: Thuế, Thanh tra, Công an, Thủ trưởng đơn vị quản lý

nhà nước, sự nghiệp (trường hợp đơn vị không có bộ máy tổ chức thu phí vệ sinh).

2. Trường hợp phí vệ sinh thuộc ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%:

Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền thu phí vệ sinh do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn làm Chủ tịch Hội đồng, công chức cấp xã phụ trách Tài chính – Kế toán là Phó Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên Hội đồng là đại diện của các cơ quan: Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng Kinh tế - Hạ tầng (hoặc Phòng Quản lý đô thị) cấp huyện, Chi cục Thuế, Công an cấp xã.

Điều 8. Điều kiện và nội dung đấu giá quyền thu phí vệ sinh

1. Điều kiện tổ chức và tham gia đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

a) Tối thiểu phải có từ 02 tổ chức hoặc cá nhân trở lên tham gia đăng ký đấu giá cho 01 (một) địa điểm thu phí vệ sinh; trường hợp chỉ có 01 (một) đối tượng tham gia đăng ký đấu giá, Hội đồng đấu giá xem xét và quyết định;

b) Người tham gia đấu giá phải cam kết đủ năng lực thực hiện hợp đồng; nộp phí đấu giá theo quy định của Nhà nước; đặt cọc thấp nhất bằng 20% so với mức giá khởi điểm (tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả lại cho người không trúng đấu giá, sau khi buổi đấu giá kết thúc).

2. Nội dung đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

a) Mức giá khởi điểm: mức giá khởi điểm do Hội đồng đấu giá công bố. Mức giá khởi điểm phải đảm bảo các yêu cầu sau: sát với tổng số thu phí của một vài năm trước; được hình thành trên cơ sở mức giá thu phí vệ sinh kèm theo Quy định này;

b) Nêu rõ đối tượng thu, mức thu và số lần nộp tiền trúng đấu giá;

c) Thời gian thực hiện quyền thu phí vệ sinh từ 01 (một) năm đến 05 (năm) năm.

Điều 9. Phương thức đấu giá, người trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh

1. Tùy tình hình thực tế, người chủ trì buổi đấu giá quyết định phương thức đấu giá bằng lời nói hoặc bằng phiếu kín.

2. Người trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh là người có số tiền trả giá cao nhất. Người trúng đấu giá sẽ được nhận quyền thu phí vệ sinh theo thời gian trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

Điều 10. Giao, nhận thầu quyền thu phí vệ sinh

1. Đối với người trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh.

a) Ký hợp đồng nhận quyền thu phí vệ sinh với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố (đối với phí vệ sinh ngân sách huyện, thị xã, thành phố

hưởng 100%) hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (đối với phí vệ sinh ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hưởng 100%);

b) Được thu phí vệ sinh theo hợp đồng đã ký; được hưởng toàn bộ phần thu vượt so với số tiền trúng đấu giá, nếu lỗ thì tự bù đắp chi phí; được đảm bảo các quyền lợi khác theo hợp đồng đã ký;

c) Nộp 100% số tiền trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh vào Ngân sách Nhà nước theo hợp đồng đã ký; thực hiện thu phí vệ sinh theo mức thu do Nhà nước quy định; thực hiện nghĩa vụ thuế đối với hoạt động kinh doanh theo quy định của Nhà nước.

2. Đối với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Thực hiện ký hợp đồng giao quyền thu phí vệ sinh với người trúng đấu giá. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, quy định cụ thể thời gian, số lần nộp tiền trúng đấu giá vào Ngân sách Nhà nước, nhưng phải nộp dứt điểm trong vòng 06 tháng, kể từ ngày hợp đồng nhận quyền thu phí vệ sinh;

b) Kiểm tra việc thu phí đối với người nhận quyền thu phí vệ sinh; xử lý hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp thực hiện không đúng theo hợp đồng đã ký;

c) Phối hợp với Chi cục Thuế huyện, thị xã, thành phố hoặc Đội thuế hướng dẫn và đôn đốc người trúng đấu giá nộp số tiền trúng đấu giá theo hợp đồng đã ký, các khoản thuế vào Ngân sách Nhà nước;

d) Đảm bảo các quyền lợi cho người trúng đấu giá quyền thu phí vệ sinh theo hợp đồng đã ký.

Điều 11. Chế độ tài chính, kế toán

1. Đơn vị thu phí vệ sinh phải mở sổ sách, chứng từ kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí vệ sinh theo đúng chế độ kế toán, thống kê hiện hành của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị phải lập dự toán thu, chi tiền phí vệ sinh gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính, cơ quan thuế cùng cấp, kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Thực hiện quyết toán thu, chi tiền phí vệ sinh theo quy định hiện hành, quyết toán hóa đơn thu phí vệ sinh theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

4. Riêng đối với Phòng Kế hoạch - Tài chính huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí vệ sinh chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện niêm yết mức thu phí vệ sinh tại nơi thu phí.

6. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức thực hiện thu phí vệ sinh theo quy định.

Điều 13. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 14. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra thu phí theo đúng quy định. Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn tỉnh; theo dõi mức thu phí, tỷ lệ nộp ngân sách; đồng thời tổng hợp các kiến nghị, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc